

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HC-ST  
Ngày: 12/11/2019  
V/v “Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong việc thu hồi, hủy bỏ  
Giấy khai sinh và quyết định giải  
quyết khiếu nại”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đắc Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cương;
2. Bà Thạch Thị Hai.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 36/2019/TLST-HC ngày 23/7/2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định và quyết định giải quyết khiếu nại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HC ngày 09/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐST-HC ngày 29/10/2019, giữa:

**- Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 0474, tổ 3, khu phố BĐ, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:** Ông Đào Đức N, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 5, ấp 4, xã VT, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU; địa chỉ: Phường UH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:** Ông Đoàn Hồng T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU; có đơn xin vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ủy ban nhân dân xã TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

+ Bà Đoàn Thị Kim H, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà 0474, tổ 3, khu phố BĐ, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2019, người khởi kiện bà Nguyễn Thị D (sau đây gọi tắt là bà D) trình bày: Bà D là con của ông Nguyễn Văn Đ và bà Đoàn Thị Kim H. Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1971, chết ngày 30/4/1997 theo Bản sao Giấy chứng tử số 78/2003, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp ngày 11/12/2003. Ngày 29/8/1996, ông Nguyễn Văn Đ cha của bà D đến Ủy ban nhân dân xã TVH đăng ký khai sinh cho bà D và được Ủy ban nhân dân xã TVH cấp Giấy khai sinh số 125, quyền số 01 ngày 29/8/1996. Do mẹ của bà D là bà Đoàn Thị Kim H, sinh năm 1969 nhưng khi đăng ký khai sinh ông Nguyễn Văn Đ lại khai trong giấy khai sinh là “Đoàn Thị H, sinh năm 1971” nên ngày 01/7/2004, mẹ của bà D làm thủ tục xin cấp lại giấy khai sinh cho bà D để điều chỉnh lại chữ lót và năm sinh của mẹ bà D trên giấy khai sinh từ “Đoàn Thị H, sinh năm 1971” thành “Đoàn Thị Kim H, sinh năm 1969”, được Ủy ban nhân dân xã TVH cấp lại Giấy khai sinh số 206/2004, quyền số 01 ngày 07/7/2004.

Ngày 06/11/2018, bà D nhận được thư mời của Ủy ban nhân dân xã TVH, mời bà D đến Ủy ban nhân dân xã TVH vào ngày 09/11/2018 để nghe công bố Quyết định số 5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã TU “về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định” đối với Giấy khai sinh số 125, quyền số 01 ngày 29/8/1996 và Giấy khai sinh số 206/2004, quyền số 01 ngày 07/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp cho bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990. Lí do: Ủy ban nhân dân thị xã TU đưa ra để thu hồi, hủy bỏ giấy khai sinh là cấp không đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 1, 2, 3 Chương I và Điều 12 Chương 4 của Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4-CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ về việc đăng ký khai sinh cho con ngoài giá thú (nay được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ “quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch” quy định: “Trường hợp chưa xác định được cha thì khi đăng ký khai sinh họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của con được xác định theo họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của mẹ, phần ghi về cha trong Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh của trẻ để trống”). Bà D cho rằng việc Ủy ban nhân dân thị xã TU ban hành Quyết định số 5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 để thu hồi, hủy bỏ giấy khai sinh của bà D là không đúng quy định của pháp luật vì: Việc làm sai trình tự, thủ tục khi cấp giấy khai sinh cho bà D là do trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể là Ủy ban nhân dân xã TVH chứ không phải lỗi của người đi đăng ký khai sinh, tại sao cơ quan nhà nước làm sai lại bắt người dân như bà D phải chịu. Việc thu hồi, hủy bỏ giấy khai sinh trên làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D trong việc nhận di sản thừa kế.

Do vậy, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã TU “về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định” đối với Giấy khai sinh số 125, quyền số 01 ngày 29/8/1996 và Giấy khai sinh số 206/2004, quyền số 01 ngày 07/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp cho bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990 và Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU “về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D... ”.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là ông Đào Đức N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị D. Đồng thời, cho rằng: Khi đi đăng ký khai sinh cho con, ông Nguyễn Văn Đ đã thực hiện đầy đủ các thủ tục đăng ký khai sinh theo quy định và theo yêu cầu

của Ủy ban nhân dân xã TVH. Việc Ủy ban nhân dân thị xã TU và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU, xác định: Bà D là con ngoài giá thú của ông Đ là không đúng quy định. Vì ông Đ và bà H sống chung với nhau từ năm 1989 đến năm 1997 thì ông Đ chết. Thời điểm đó, Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 chưa có quy định phải bắt buộc đăng ký kết hôn. Đến khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực pháp luật thì mới khuyến khích việc đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm theo quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội “*về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000*”, cụ thể: “*Nam và nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003*”. Tuy nhiên, thời điểm này ông Đ đã chết nên không thể thực hiện việc đăng ký kết hôn. Do đó, có đủ cơ sở xác định ông Đ với bà H sống chung với nhau là hợp pháp và đây được xem là hôn nhân thực tế; việc Ủy ban nhân dân thị xã TU và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU cho rằng ông Đ với bà H không phải là vợ chồng, không thực hiện thủ tục nhận cha cho con để thu hồi, hủy bỏ giấy khai sinh của bà D là không đúng quy định của pháp luật.

*\* Tại Văn bản số 3547/UBND-NC ngày 14/8/2019, người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã TU trình bày:* Tại biên bản làm việc ngày 31/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã TVH và Phòng Tư pháp thị xã TU, bà Đoàn Thị Kim H (mẹ bà Nguyễn Thị D) trình bày: Năm 1989, bà H chung sống với ông Nguyễn Văn Đ tại xã TVH, nhưng không có đăng ký kết hôn và có sinh 02 người con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1994. Đến năm 1996, nhà trường yêu cầu phải có giấy khai sinh mới được nhập học nên mới thực hiện đăng ký khai sinh. Thời điểm đăng ký khai sinh cho con (Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị Đ1 vào ngày 29/8/1996), ông Nguyễn Văn Đ đến Ủy ban nhân dân xã TVH để đăng ký khai sinh, bà H không trực tiếp đi nên không biết thủ tục, thành phần hồ sơ, người ký tên trong hồ sơ đăng ký khai sinh. Năm 1997, ông Đ chết do tai nạn giao thông. Năm 2004, bà H phát hiện giấy khai sinh của con có sai thông tin chữ lót và năm sinh của mẹ nên bà H liên hệ với Ủy ban nhân dân xã TVH đề nghị chỉnh sửa giấy khai sinh đã cấp năm 1996 thì được hướng dẫn đăng ký lại; hồ sơ đăng ký lại khai sinh, bà H nhờ ông Nguyễn Văn V, Công an viên của xã ghi giúp. Trên cơ sở đề nghị của bà H, Ủy ban nhân dân xã TVH cho đăng ký lại khai sinh cho bà Nguyễn Thị D để chỉnh sửa lại thông tin sai sót của người mẹ trên giấy khai sinh, nhưng Ủy ban nhân dân xã TVH không mở sổ theo dõi và không lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Ngày 23/4/2018, phát hiện Ủy ban nhân dân xã TVH cấp giấy khai sinh cho bà Nguyễn Thị D có thông tin cha là Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H1 (anh ông Đ) làm đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân xã TVH cho rằng: Ông Đ, bà H không sống chung, không đăng ký kết hôn và gia đình không thừa nhận nên yêu cầu thu hồi, hủy bỏ giấy khai sinh cấp cho bà Nguyễn Thị D. Ngày 10/10/2018, Ủy ban nhân dân xã TVH lập Tờ trình số 47/TTr-UBND về việc đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã TU thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 và Giấy khai sinh số 206/2004, quyển số 01 ngày 07/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp cho bà Nguyễn Thị D. Lý do: Ủy ban nhân dân xã TVH cấp giấy khai sinh không đúng trình tự thủ tục, không thực hiện việc ghi sổ theo dõi và không lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Trên cơ sở tờ trình và hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã TVH cung cấp, xác định: Hồ sơ đăng ký khai sinh cho bà Nguyễn Thị D không có chữ ký xác nhận của người

đứng khai; đồng thời, về phần cha, mẹ giữa ông Nguyễn Văn Đ với bà Đoàn Thị Kim H không có đăng ký kết hôn, nhưng Ủy ban nhân dân xã TVH không thực hiện thủ tục cha nhận con mà đăng ký khai sinh có thông tin cha và cả 02 giấy khai sinh cấp ra đều không mở sổ theo dõi, lưu trữ, quản lý theo quy định. Đối chiếu với quy định của pháp luật, nhận thấy: Ủy ban nhân dân xã TVH cấp giấy khai sinh cho bà Nguyễn Thị D có thông tin cha là ông Nguyễn Văn Đ là không đúng quy định tại Điều 1, 2, 3 Chương I và Điều 13 Chương 4 của Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4-CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ về việc đăng ký khai sinh cho con ngoài giá thú (nay được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch). Căn cứ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 70 của Luật Hộ tịch năm 2014 quy định về thẩm quyền trong việc xử lý giấy tờ hộ tịch, Phòng Tư pháp lập Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã TU thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh số 125, quyền số 01 ngày 29/8/1996 và Giấy khai sinh số 206/2004, quyền số 01 ngày 07/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp cho bà Nguyễn Thị D. Ngày 12/10/2018, Ủy ban nhân dân thị xã TU ban hành Quyết định số 5585/QĐ-UBND “*về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định*” đối với Giấy khai sinh số 125, quyền số 01 ngày 29/8/1996 (lần đầu) và Giấy khai sinh số 206/2004, quyền số 01 ngày 07/7/2004 (lần hai) do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp cho bà Nguyễn Thị D là đúng quy định của pháp luật, lý do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp trái quy định, không đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hộ tịch tại thời điểm đăng ký khai sinh, cụ thể:

Giấy khai sinh số 125, quyền số 01 ngày 29/8/1996 có thông tin cha là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971, HKTT: Ấp TA, xã TVH; mẹ là Đoàn Thị H, sinh năm 1971, HKTT: Ấp TA, xã TVH (đúng phải là Đoàn Thị Kim H, sinh năm 1969, HKTT: Thị trấn TH). Mặt khác, thời điểm này ông Đ với bà H không có đăng ký kết hôn, gia đình không thừa nhận nên con được sinh ra là con ngoài giá thú. Theo Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì “*Việc cha mẹ nhận con ngoài giá thú do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của người con công nhận và ghi vào Sổ khai sinh*”, nhưng Ủy ban nhân dân xã TVH thực hiện cấp giấy khai sinh cho bà D khi chưa có đơn xin nhận con của cha là ông Nguyễn Văn Đ; giấy khai sinh không có chữ ký của người đứng khai; nội dung giấy khai sinh không đúng thông tin chữ lót, năm sinh của mẹ; không mở sổ ghi chép, ghi chú theo dõi và không thực hiện lưu trữ hồ sơ.

Đối với Giấy khai sinh số 206/2004, quyền số 01 ngày 07/7/2004: Đối chiếu với quy định tại Điều 63 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch quy định về điều kiện đăng ký lại việc sinh như sau: “*Việc sinh đã được đăng ký, nhưng bản chính và sổ gốc đã bị mất hoặc hư hỏng mà không sử dụng được, thì được đăng ký lại*”. Trường hợp của bà Nguyễn Thị D vẫn còn bản chính Giấy khai sinh số 125, quyền số 01 ngày 29/8/1996 và lý do xin đăng ký lại là nhằm điều chỉnh những sai sót về chữ đệm, năm sinh của mẹ trong giấy khai sinh của con là không đúng quy định; trường hợp này phải thực hiện việc cải chính hộ tịch theo Điều 53 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ. Việc Ủy ban nhân dân xã TVH đăng ký lại việc sinh cho bà Nguyễn Thị D là không đúng trình tự, thủ tục, trái với quy định của pháp luật về hộ tịch (bút lục 58-59).

\* *Tại Văn bản số 4281/UBND-NC ngày 02/10/2019, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU trình bày:* Ngày 25/01/2019, Ủy ban nhân dân thị xã TU nhận được đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị D yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Quyết định số

5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã TU “về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định”, vì cho rằng: Việc đăng ký khai sinh của bà D không phải là trường hợp chưa xác định được cha, không phải con ngoài giá thú.

Ngày 29/01/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU ban hành Quyết định số 396/QĐ-UBND giao Phòng Tư pháp thẩm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại. Ngày 01/3/2019, Phòng Tư pháp có Báo cáo số 25/BC-PTP về kết quả xác minh đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, xác định: Tại biên bản làm việc ngày 31/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã TVH và Phòng Tư pháp thị xã TU, bà Đoàn Thị Kim H (mẹ bà D) trình bày: Năm 1989, bà H chung sống với ông Nguyễn Văn Đ tại xã TVH, nhưng không có đăng ký kết hôn và có sinh 02 người con là Nguyễn Thị D, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1994. Đến năm 1996, nhà trường yêu cầu phải có giấy khai sinh mới được nhập học thì mới thực hiện đăng ký khai sinh. Thời điểm đăng ký khai sinh cho con (Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị Đ1 vào ngày 29/8/1996), ông Nguyễn Văn Đ đến Ủy ban nhân dân xã TVH để đăng ký khai sinh, bà H không trực tiếp đi nên không biết thủ tục, thành phần hồ sơ, người ký tên trong hồ sơ đăng ký khai sinh. Năm 1997, ông Đ chết do tai nạn giao thông. Năm 2004, bà H phát hiện giấy khai sinh của con có sai thông tin chữ lót và năm sinh của mẹ nên bà H liên hệ với Ủy ban nhân dân xã TVH đề nghị chỉnh sửa giấy khai sinh cấp năm 1996 thì được hướng dẫn đăng ký lại; hồ sơ đăng ký lại khai sinh, bà H nhờ ông Nguyễn Văn V, Công an viên của xã ghi giúp. Trên cơ sở đề nghị của bà H, Ủy ban nhân dân xã TVH cho đăng ký lại khai sinh cho bà Nguyễn Thị D, chỉnh sửa lại thông tin của người mẹ trên giấy khai sinh, nhưng Ủy ban nhân dân xã TVH không mở sổ theo dõi và không lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Ngày 23/4/2018, ông Nguyễn Văn H1 (anh ông Đ) phát hiện Ủy ban nhân dân xã TVH cấp giấy khai sinh cho bà Nguyễn Thị D có thông tin cha là Nguyễn Văn Đ nên làm đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân xã TVH cho rằng: Ông Đ, bà H không sống chung, không đăng ký kết hôn và gia đình không thừa nhận nên yêu cầu thu hồi, hủy bỏ giấy khai sinh cấp cho bà Nguyễn Thị D. Ngày 10/10/2018, Ủy ban nhân dân xã TVH lập Tờ trình số 47/TTr-UBND về việc đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã TU thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 và Giấy khai sinh số 206/2004, quyển số 01 ngày 07/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp cho bà Nguyễn Thị D. Lý do: Ủy ban nhân dân xã TVH cấp giấy khai sinh không đúng trình tự thủ tục, không thực hiện việc ghi sổ theo dõi và không lưu trữ hồ sơ theo quy định. Trên cơ sở tờ trình và hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã TVH cung cấp, xác định: Hồ sơ đăng ký khai sinh cho bà Nguyễn Thị D không có chữ ký xác nhận của người đứng khai; đồng thời, về phần cha, mẹ giữa ông Nguyễn Văn Đ với bà Đoàn Thị Kim H không có đăng ký kết hôn, nhưng Ủy ban nhân dân xã TVH không thực hiện thủ tục cha nhận con mà đăng ký khai sinh có thông tin cha và cả 02 giấy khai sinh cấp ra đều không mở sổ theo dõi, lưu trữ, quản lý theo quy định. Đối chiếu với quy định của pháp luật, nhận thấy: Ủy ban nhân dân xã TVH cấp giấy khai sinh cho bà Nguyễn Thị D có thông tin cha là ông Nguyễn Văn Đ là không đúng quy định tại Điều 1, 2, 3 Chương I và Điều 13 Chương 4 của Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4-CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ về việc đăng ký khai sinh cho con ngoài giá thú (nay được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch). Căn cứ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 70 của Luật Hộ tịch năm 2014 quy định về thẩm quyền trong việc xử lý giấy tờ hộ tịch, Phòng Tư pháp lập Tờ trình

đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã TU thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 và Giấy khai sinh số 206/2004, quyển số 01 ngày 07/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp cho bà Nguyễn Thị D. Ngày 12/10/2018, Ủy ban nhân dân thị xã TU ban hành Quyết định số 5585/QĐ-UBND “*về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định*” đối với Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 (lần đầu) và Giấy khai sinh số 206/2004, quyển số 01 ngày 07/7/2004 (lần hai) do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp cho bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990 là đúng quy định của pháp luật về hộ tịch.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU ban hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 “*về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D...*”. Nội dung giữ nguyên Quyết định số 5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã TU “*về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định*” (bút lục 92-94).

\* *Tại Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 10/10/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã TVH trình bày:* Căn cứ Điều 6, khoản 1 Điều 19, Điều 63 và Điều 65 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch, ngày 29/8/1996 Ủy ban nhân dân xã TVH đã cấp giấy khai sinh cho bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990 và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh ngày 10/3/1994. Tuy nhiên, do sơ sót chưa lưu giữ giấy tờ có liên quan cũng như chưa thực hiện việc cập nhật sổ theo quy định “*mà chỉ căn cứ theo giấy chứng sinh, chứng minh nhân dân, hộ khẩu cha, mẹ cung cấp để làm cơ sở cấp giấy khai sinh cho đương sự*”. Đồng thời, ngày 07/7/2004 và ngày 09/7/2004, Ủy ban nhân dân xã TVH đã thực hiện việc đăng ký lại khai sinh đối với bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Đ1. Qua kiểm tra, Ủy ban nhân dân xã TVH nhận thấy việc cấp giấy khai sinh vào năm 1996 và năm 2004 cho bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Đ1 chưa đúng theo trình tự, thủ tục đăng ký khai sinh và thủ tục đăng ký lại việc sinh, cũng như chưa thực hiện việc cập nhật vào sổ theo dõi khai sinh theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã TU xem xét thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 và Giấy khai sinh số 206/2004, quyển số 01 ngày 07/7/2004 (lần hai) cấp cho bà Nguyễn Thị D; Giấy khai sinh số 126, quyển số 01 ngày 29/8/1996 và Giấy khai sinh số 210/2004, quyển số 01 ngày 09/7/2004 (lần hai) cấp cho bà Nguyễn Thị Đ1 (bút lục 53). Tại Biên bản đối thoại ngày 30/8/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TVH phân công bà Phan Thanh T - Cán bộ Tư pháp tham dự và bà Thảo trình bày: Các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc cấp, thu hồi, hủy bỏ giấy khai sinh của bà Nguyễn Thị D thì Ủy ban nhân dân xã TVH, Ủy ban nhân dân thị xã TU và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU đã cung cấp đầy đủ. Về thủ tục liên quan đến việc cấp giấy khai sinh, bao gồm: Tờ khai đăng ký khai sinh; giấy tờ tùy thân của cha mẹ như: Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu; giấy đăng ký kết hôn và giấy chứng sinh. Năm 2018, do có khiếu nại của ông Nguyễn Văn H1 (anh ông Đ) nên Ủy ban nhân dân xã TVH kiểm tra lại hồ sơ lưu trữ thì hồ sơ đăng ký khai sinh của bà Nguyễn Thị D vào năm 1996, Ủy ban nhân dân xã TVH hiện không còn lưu giữ. Theo Sổ hộ tịch khai sinh năm 1996, không có tên người được khai sinh là Nguyễn Thị D, hồ sơ đăng ký khai sinh năm 2004 thì Ủy ban nhân dân xã TVH còn lưu giữ. Các giấy khai sinh của bà Nguyễn Thị D mà phía người khởi kiện cung cấp cho Tòa án là do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp, chữ ký và con dấu trên giấy khai sinh là chữ ký của cán bộ và con dấu của Ủy ban nhân dân xã TVH (bút lục 113). Tại Văn bản số 282/UBND-TP ngày 08/10/2019, Ủy ban nhân dân xã TVH xác định: Qua thu thập tài liệu, chứng cứ còn lưu giữ tại Ủy ban

nhân dân xã bao gồm: “Giấy khai sinh bản chính (phôtô) số 126 ngày 29/8/1996 của bà Nguyễn Thị D, đơn xin đăng ký lại việc sinh ngày 01/7/2004 (phôtô), Giấy khai sinh bản sao (phôtô) số 206 ngày 07/7/2004, sổ hộ tịch khai sinh năm 1996 và năm 2004”.

\* *Tại Bản tự khai ngày 12/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Kim H (sau đây gọi tắt là bà H) trình bày:* Thống nhất với ý kiến trình bày của người khởi kiện. Đồng thời, bà H cho rằng: Năm 1989, gia đình ông Nguyễn Văn Đ (chồng bà H) đến hỏi bà H để cưới về làm vợ cho ông Đ, có làm lễ ra mắt giữa hai bên gia đình nhưng do tuổi của bà H với ông Đ quá xấu, không thể sống chung với nhau nên không thể tổ chức lễ cưới, ông Đ nói “nếu bà H không sống chung với ông Đ thì ông Đ sẽ tự tử chết” nên từ năm 1989, bà H về sống chung với ông Đ tại nhà của ông Đ ở địa chỉ: Ấp TA, xã TVH, huyện TU, tỉnh Sông Bé (nay là thị xã TU, tỉnh Bình Dương). Quá trình sinh sống, cha mẹ của ông Đ và chị của ông Đ đều thương, không ai phản đối. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H1 là anh trai của ông Đ không đồng ý, hay kiếm chuyện với ông Đ. Trong thời gian sinh sống tại xã TVH, bà H có đăng ký hộ khẩu, được Ủy ban nhân dân xã TVH cấp hộ khẩu riêng cho bà H và hai con của bà H là Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Đ1 vào khoảng năm 1997. Đến năm 2004, do không làm rẫy được nên bà H cùng hai con chuyển hộ khẩu về sinh sống tại xã TH, huyện TU cho đến nay. Ông Nguyễn Văn Đ là cha ruột của bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Đ1. Năm 1996, do Nguyễn Thị D đủ 06 tuổi vào lớp 1 nên ông Đ là người trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã TVH kê khai đăng ký làm giấy khai sinh cho con là Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị Đ1. Bản thân bà H tên là Đoàn Thị Kim H, sinh năm 1969 nhưng khi đi làm giấy khai sinh thì ông Đ khai là Đoàn Thị H, sinh năm 1971 cho bằng tuổi với ông Đ; do làm được giấy khai sinh cho con đi học nên vợ chồng bà H không để ý. Đến khi chuyển hộ khẩu về xã TH, huyện TU thì mới phát hiện giấy khai sinh của Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị Đ1 ghi không đúng chữ lót và năm sinh của bà H nên bà H trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã TVH để xin điều chỉnh, làm lại giấy khai sinh cho hai con.

\* *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2019, ông Nguyễn Công A nguyên là cán bộ Tư pháp xã TVH trước đây trình bày:* Trình tự thủ tục cấp giấy khai sinh là người đi khai sinh phải cung cấp giấy Chứng sinh; Sổ hộ khẩu của cha, mẹ; giấy Chứng minh nhân dân của cha, mẹ để làm căn cứ cấp giấy khai sinh cho đứa trẻ. Năm 1996, ông Nguyễn Văn Đ còn sống nên ông Đ trực tiếp đi khai sinh cho con. Căn cứ vào hồ sơ do ông Đ cung cấp, cán bộ Tư pháp đã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TVH cấp Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 cho bà Nguyễn Thị D. Việc lấy sổ khai sinh và cập nhật Sổ hộ tịch khai sinh là do cán bộ Tư pháp thời điểm đó thực hiện, tôi không biết. Tháng 10 năm 2000, tôi tiếp nhận công việc cán bộ Tư pháp. Năm 2004, bà H làm đơn xin đăng ký lại việc sinh để điều chỉnh chữ lót và năm sinh của người mẹ từ “Đoàn Thị H, sinh năm 1971” thành “Đoàn Thị Kim H, sinh năm 1969”. Trên cơ sở Giấy khai sinh bản chính số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 của Nguyễn Thị D, tôi tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TVH cho đăng ký lại theo quy định và cấp Giấy khai sinh số 206/2004, quyển số 01 ngày 07/7/2004 cho Nguyễn Thị D. Do thời điểm đó, chỉ có mình tôi là cán bộ Tư pháp nhưng phải giải quyết nhiều công việc vào thời điểm đó như: Đăng ký kết hôn đối với hôn nhân thực tế và giải quyết các tranh chấp đất ở khu Liên hợp nên sơ suất không có cập nhật vào sổ theo quy định, đây là thiếu sót của cán bộ Tư pháp xã (bút lục 115-116).

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu

cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã TVH “*về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định*” đối với Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 và Giấy khai sinh số 206/2004, quyển số 01 ngày 07/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp cho bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990 và Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TVH “*về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D...*”. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Kim H vẫn giữ nguyên lời trình bày của mình và thống nhất với yêu cầu của người khởi kiện. Người bị kiện có đơn xin giải quyết vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã TVH vắng mặt nên các bên đương sự không thể đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến: Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về hướng giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn Đ với bà Đoàn Thị Kim H chung sống với nhau từ năm 1989, có đủ điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, thời điểm này Luật không bắt buộc phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Năm 1997, ông Đ chết nên không thể thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định; do đó, hôn nhân giữa ông Đ với bà H được xem là hôn nhân thực tế. Năm 1996, ông Đ đi đăng ký khai sinh cho con nên Ủy ban nhân dân xã TVH cấp Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 cho bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990 là đúng quy định tại các Điều 1, 2, 3 Chương I, Điều 19 Chương 5 của Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4-CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ. Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4-CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ không có quy định nào bắt buộc vợ chồng phải đăng ký kết hôn mới được đăng ký khai sinh cho con. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thị xã TVH ban hành Quyết định số 5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 “*về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định*” đối với Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 và Giấy khai sinh số 206/2004, quyển số 01 ngày 07/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp cho bà Nguyễn Thị D là đúng thẩm quyền, nhưng không đảm bảo về mặt nội dung như đã phân tích ở trên. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TVH ban hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 “*về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D...*” là đúng thẩm quyền, nhưng không đảm bảo về mặt nội dung nên việc bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã TVH và Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TVH là có căn cứ chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của người khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hành chính về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định và quyết định giải quyết khiếu nại*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại



khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Do người bị kiện có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 157, Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: Ấp TA, xã TVH, huyện TU (chết ngày 30/4/1997 theo Bản sao Giấy chứng tử số 78/2003, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp ngày 11/12/2003) với bà Đoàn Thị Kim H, sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú: Xã TH, huyện TU chung sống với nhau từ năm 1989 tại ấp TA, xã TVH, huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, giữa ông Đ với bà H có sinh được 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990 và Nguyễn Thị Đ1, sinh ngày 10/3/1994. Năm 1996, Nguyễn Thị D đủ 06 tuổi vào lớp một nên ngày 29/8/1996, ông Nguyễn Văn Đ đến Ủy ban nhân dân xã TVH làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con là Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị Đ1, được Ủy ban nhân dân xã TVH (do ông Thân Văn Hợp làm Chủ tịch ký) cấp Giấy khai sinh số 125, quyền số 01 ngày 29/8/1996 cho Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990 và cấp Giấy khai sinh số 126, quyền số 01 ngày 29/8/1996 cho Nguyễn Thị Đ1, sinh ngày 10/3/1994. Năm 1997, ông Nguyễn Văn Đ chết do bị bệnh. Đến năm 2004, bà H cùng 02 con là Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị Đ1 chuyển về sinh sống tại xã TH, huyện TU. Quá trình làm thủ tục xin chuyển hộ khẩu từ xã TVH về xã TH, bà H phát hiện giấy khai sinh của 02 con ghi thiếu chữ lót và năm sinh của mình nên ngày 01/7/2004, bà H làm “*Đơn xin đăng ký lại việc sinh*” cho con theo hướng dẫn của cán bộ Tư pháp, để điều chỉnh lại chữ lót và năm sinh của bà H trên giấy khai sinh của 02 con từ “*Đoàn Thị H, sinh năm 1971*” thành “*Đoàn Thị Kim H, sinh năm 1969*”, được cán bộ hộ tịch ông Nguyễn Công A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TVH bà Bùi Thị T cấp lại Giấy khai sinh số 206/2004, quyền số 01 ngày 07/7/2004 cho Nguyễn Thị D và Giấy khai sinh số 210/2004, quyền số 01 ngày 09/7/2004 cho Nguyễn Thị Đ1. Tháng 4 năm 2016, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Đ1 khởi kiện bà Nguyễn Thị N (chị ruột ông Đ) để “*tranh chấp di sản thừa kế*” của cụ Nguyễn Văn D1 (cha ông Đ) chết để lại tại Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương; trong đó, ông Nguyễn Văn H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bút lục 25-26). Ngày 23/4/2018, ông Nguyễn Văn H1 (anh ông Đ) làm đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân xã TVH cho rằng: Ông Đ với bà H không sống chung, không đăng ký kết hôn và gia đình không thừa nhận nên yêu cầu thu hồi, hủy bỏ giấy khai sinh đã cấp cho bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Đ1. Ngày 10/10/2018, Ủy ban nhân dân xã TVH lập Tờ trình số 47/TTr-UBND về việc đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã TU thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh số 125, quyền số 01 ngày 29/8/1996 và Giấy khai sinh số 206/2004, quyền số 01 ngày 07/7/2004 do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp cho bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990 với lý do: Ủy ban nhân dân xã TVH cấp không đúng trình tự thủ tục, không thực hiện việc ghi sổ theo dõi và không lưu trữ hồ sơ theo quy định. Ngày 12/10/2018, Ủy ban nhân dân thị xã TU ban hành Quyết định số 5585/QĐ-UBND “*về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định*” đối với Giấy khai sinh của bà Nguyễn Thị D. Ngày 09/11/2018, bà D nhận được quyết định nên làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU vào ngày 25/01/2019. Ngày 06/5/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU ban hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND “*về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D...*” với nội dung giữ nguyên Quyết định số 5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã TU “*về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định*”. Vì vậy, ngày 09/7/2019 bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa

án giải quyết hủy Quyết định số 5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã TU “*về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định*” và hủy Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU “*về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D...*”

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, nhận thấy: Ông Nguyễn Văn Đ với bà Đoàn Thị Kim H chung sống với nhau từ năm 1989 (trước ngày 01/01/2001), có đủ điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, nhưng thời điểm này Luật không bắt buộc phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Đến thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực thì tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội mới quy định phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày 01/01/2001; tuy nhiên, thời điểm này ông Đ đã chết nên không thể thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định; do đó, hôn nhân giữa ông Đ với bà H được xem là hôn nhân thực tế. Quá trình bà H cùng chung sống với ông Đ tại ấp Tân An, xã TVH, huyện (nay là thị xã) TU có sinh được 02 con chung là Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị Đ1. Ngày 29/8/1996, ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện trực tiếp mang giấy Chứng sinh của 02 con; Sổ hộ khẩu của cha, mẹ; giấy Chứng minh nhân dân của cha, mẹ đến Ủy ban nhân dân xã TVH làm thủ tục đăng ký khai sinh cho 02 con, việc Ủy ban nhân dân xã TVH cấp Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 cho Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990 và cấp Giấy khai sinh số 126, quyển số 01 ngày 29/8/1996 cho Nguyễn Thị Đ1, sinh ngày 10/3/1994 là đảm bảo đúng quy định tại Điều 2, Điều 3 Chương I, Điều 19 Chương 5 của Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4-CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ.

[4] Năm 2004, bà Đoàn Thị Kim H phát hiện giấy khai sinh của 02 con ghi thiếu chữ lót và sai lầm về năm sinh của mình nên ngày 01/7/2004, bà H làm “*Đơn xin đăng ký lại việc sinh*” theo hướng dẫn của cán bộ Tư pháp để điều chỉnh lại chữ lót và năm sinh của người mẹ từ “*Đoàn Thị H, sinh năm 1971*” thành “*Đoàn Thị Kim H, sinh năm 1969*”. Ngày 07/7/2004, Ủy ban nhân dân xã TVH sửa chữa, bổ sung cấp lại Giấy khai sinh số 206/2004, quyển số 01 cho Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990 và sửa chữa, bổ sung cấp lại Giấy khai sinh số 210/2004, quyển số 01 ngày 09/7/2004 cho Nguyễn Thị Đ1, sinh ngày 10/3/1994 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Chương 5 của Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4-CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ; Điều 52, Điều 64 Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch.

[5] Việc ông Nguyễn Văn Đ chung sống vợ chồng với bà Đoàn Thị Kim H tại ấp TA, xã TVH, chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân xã TVH và gia đình hai bên đều biết, không ai có ý kiến phản đối. Chứng cứ thể hiện là nơi đăng ký thường trú của bà H, bà D và bà Đ1 tại các “*Giấy khai sinh*”, “*Đơn xin đăng ký lại việc sinh*” (bút lục 46-48) và Bản giải trình của người khởi kiện gửi kèm theo 03 tấm ảnh chụp cảnh đám tang của cụ Nguyễn Văn D1 (cha ông Đ) thể hiện: Lúc cụ D1 chết, ba mẹ con bà H, bà D, bà Đ1 có về thọ tang cùng gia đình (bút lục 21-24). Vì vậy, việc ông Nguyễn Văn H1 (anh ông Đ) làm đơn khiếu nại cho rằng ông Đ chung sống với bà H gia đình không thừa nhận là không có căn cứ.

[6] Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Khiếu nại năm 2011 thì “*Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục*

do Luật này quy định, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình” và theo Điều 9 của Luật Khiếu nại năm 2011 thì “Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính”. Như vậy, việc ông Nguyễn Văn Đ đi khai sinh cho con và việc Ủy ban nhân dân xã TVH cấp Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 cho bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990 “là để chứng nhận lý lịch, quan hệ gia đình, xác định nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi người”, không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn H1 nên ông H1 không có quyền khiếu nại. Vì vậy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án không đưa ông H1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, quá trình bà Nguyễn Thị D khởi kiện “tranh chấp di sản thừa kế” do cụ D1 chết để lại tại Tòa án nhân dân thị xã TU (tháng 4 năm 2016), ông H1 đã được tiếp cận chứng cứ và đã biết Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp cho bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990 có cha là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971 nhưng ông H1 không khiếu nại. Đến ngày 23/4/2018, ông H1 mới làm đơn khiếu nại (bút lục 61) là đã hết thời hiệu khiếu nại.

[7] Như đã phân tích tại các mục [3], [4], [5] và [6] nêu trên, việc Ủy ban nhân dân thị xã TU căn cứ vào đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn H1 và Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 10/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã TVH về việc đề nghị “Ủy ban nhân dân thị xã TU thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 và Giấy khai sinh số 206/2004, quyển số 01 ngày 07/7/2004 cấp cho Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990; thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh số 126, quyển số 01 ngày 29/8/1996 và Giấy khai sinh số 210/2004, quyển số 01 ngày 09/7/2004 cấp cho bà Nguyễn Thị Đ1, sinh ngày 10/3/1994” với lý do: “Ủy ban nhân dân xã TVH cấp không đúng trình tự thủ tục, không thực hiện việc ghi sổ theo dõi, không lưu trữ hồ sơ theo quy định” để cho rằng: Ủy ban nhân dân xã TVH cấp Giấy khai sinh số 125, quyển số 01 ngày 29/8/1996 cho bà Nguyễn Thị D, có thông tin cha là ông Nguyễn Văn Đ không đúng quy định tại Điều 1, 2, 3 Chương I, Điều 13 Chương 4, Điều 16 Chương 5 của Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4-CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ; đồng thời, việc cấp lại Giấy khai sinh số 206/2004, quyển số 01 ngày 07/7/2004 cho bà Nguyễn Thị D không đúng quy định tại Điều 53, Điều 63 Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch; từ đó, Ủy ban nhân dân thị xã TU ban hành Quyết định số 5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 “về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định” đối với Giấy khai sinh của bà Nguyễn Thị D là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 70 của Luật Hộ tịch, nhưng không có căn cứ pháp lý về mặt nội dung, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Bởi lẽ: Như đã nhận định tại mục [3] thì việc ông Đ với bà H không thực hiện được việc đăng ký kết hôn là do ông Đ chết; thời điểm ông Đ còn sống, ông Đ đã xác định Nguyễn Thị D là con ruột của mình nên tự nguyện đi đăng ký khai sinh cho con theo dạng “đăng ký quá hạn” được quy định tại Điều 19 Chương 5 của Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4-CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ. Mặt khác, tại Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 10/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã TVH đã xác định: Việc cấp giấy khai sinh cho bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990 là “căn cứ

*theo giấy chứng sinh, chứng minh nhân dân, hộ khẩu cha, mẹ cung cấp để làm cơ sở cấp giấy khai sinh cho đương sự*”; cho thấy, khi đi khai sinh cho con ông Đ đã cung cấp đầy đủ giấy tờ theo quy định, việc không thực hiện “*đăng ký vào một thứ sổ riêng*” để theo dõi, không lưu trữ hồ sơ theo quy định làm mất hồ sơ là trách nhiệm của chính quyền cơ sở, cụ thể là Ủy ban nhân dân xã TVH theo quy định tại các Điều 16, 26 Chương 5 của Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4-CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ; ngoài ra, Điều 2 Chương I của Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4-CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ cũng không quy định hay bắt buộc người đi khai sinh phải ký tên vào giấy khai sinh. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2019, ông Nguyễn Công A nguyên là cán bộ Tư pháp cũng đã xác định: Ông là người đã tham mưu Ủy ban nhân dân xã TVH cho đăng ký, cấp lại Giấy khai sinh số 206/2004, quyển số 01 ngày 07/7/2004 cho Nguyễn Thị D theo đúng quy định, nhưng do phải giải quyết nhiều công việc nên ông A sơ suất không có cập nhật vào sổ theo dõi, đây là thiếu sót của cán bộ Tư pháp xã (bút lục 115-116).

[8] Do vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU ban hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 “*về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D...*” với nội dung giữ nguyên Quyết định số 5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã TU “*về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định*” là trái với quy định của pháp luật.

[9] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, nhận thấy: Việc bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã TU “*về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định*” và Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU “*về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D...*” là có căn cứ chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[10] Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D được Tòa án chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thị xã TU và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, các Điều 125, 130, 158, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 4, 6, 7 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội “*về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000*”; các Điều 1, 2, 3 Chương I, Điều 13 Chương 4, các Điều 16, 18, 19, 26 Chương 5 của Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 4-CP ngày 16/01/1961 của Hội đồng Chính phủ; khoản 1 Điều 2, Điều 9 của Luật Khiếu nại năm 2011; điểm h khoản 1 Điều 70 của Luật Hộ tịch năm 2014 và các Điều 52, 53, 64 Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ “*về đăng ký hộ tịch*”.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với Ủy ban nhân dân thị xã TU và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Hủy Quyết định số 5585/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã TU “về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh cấp trái quy định” đối với Giấy khai sinh số 125, quyền số 01 ngày 29/8/1996 (lần đầu) và Giấy khai sinh số 206/2004, quyền số 01 ngày 07/7/2004 (lần hai) do Ủy ban nhân dân xã TVH cấp cho bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/02/1990.

Hủy Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU “về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, địa chỉ: Số nhà 0474, tổ 3, khu phố BĐ, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương”.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị D không phải nộp. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0027050 ngày 16/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Ủy ban nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

3. Báo cho người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã TVH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Tòa HC, HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Nguyễn Đắc Cường  
(Đã ký)**